

QUAN ĐIỂM VÀ Ý TƯỞNG HÌNH THÀNH ĐÔ THỊ ĐẠI HỌC CÓ ĐẲNG CẤP QUỐC TẾ

TS. Nguyễn Văn Ngũ¹, TS. Nguyễn Quang², TS. Đặng Văn Huân³, ThS. Phan Thị Ninh⁴

^{1,4}Trường Đại học Hòa Bình

²UN-Habitat

³Bộ Giáo dục và Đào tạo

Tác giả liên hệ: nvngu@daihochoabinh.edu.vn

Ngày nhận: 02/02/2023

Ngày nhận bản sửa: 08/02/2023

Ngày duyệt đăng: 23/3/2023

Tóm tắt

Trong thời đại kinh tế tri thức, đô thị đại học sẽ là nơi cung cấp lao động có kỹ năng cao, và đổi mới công nghệ cần thiết để thúc đẩy tăng trưởng và đảm bảo khả năng cạnh tranh đô thị. Các trường đô thị đại học là chất xúc tác quan trọng cho sự đổi mới đô thị và hình thành chính sách thông minh cho sự phát triển cộng đồng đô thị. Ở chiều ngược lại, đô thị cũng là môi trường, nơi cung cấp các dịch vụ và nguồn lực cần thiết cho sự phát triển của trường đại học. Ngày càng có nhiều sự công nhận và ủng hộ, các mối quan hệ đôi bên cùng có lợi mà các trường đại học và thành phố có thể tạo ra xung quanh sự phát triển của địa phương và khu vực. Bài viết sau đây chia sẻ những thông tin về bối cảnh trong nước và quốc tế, về những mô hình cải cách trong giáo dục đại học, và đánh giá nhu cầu cũng như các điều kiện cần thiết cho việc phát triển đô thị Đại học Hòa Bình Hà Nội.

Từ khóa: Đô thị đại học, Trường Đại học Hoà Bình, Mailand Hà Nội.

Opinions and conceptualization of University metropolis at international standards

Dr. Nguyen Van Ngu¹, Dr. Nguyen Quang², Dr. Dang Van Huan³, M.A. Phan Thi Ninh⁴

^{1,4}Hoa Binh University

²UN-Habitat

³Ministry of Education and Training

Corresponding author: nvngu@daihochoabinh.edu.vn

Abstract

In the era of intellectual economy, university metropolis (coined from the term university town) will be the provision hub of highly qualified skilled labor and disruptive technologies which essentially boost growth and ensure urban competitive strength. On one hand, metropolis universities serve as fundamental catalysts to urban renewal and smart policy-making for urban community development. On the other hand, urban areas provide the environment, place of provisions of the services and resources essential to the development of universities. Win-win relations, which can be generated by universities and metropolises surrounding local and regional development, are increasingly recognized and supported. This paper shares information of international context and national background, higher education renovation model, and assesses demand and conditions required for the development of Hoa Binh University Metropolis Hanoi.

Keywords: University metropolis, Hoa Binh University, Mailand Ha Noi.

1. Mở đầu

Là một tập đoàn đa ngành, khởi nghiệp từ thập niên 90 của thế kỷ trước bởi những doanh nhân trí thức, giàu khát vọng và tiên phong, Tập đoàn Sovico đã đạt được nhiều thành tựu hoạt động trên các lĩnh vực then chốt của nền kinh tế. Hệ sinh thái Sovico bao gồm nhiều lĩnh vực như: Tài chính - Ngân hàng, Hàng không, Bất động sản, Năng lượng, Quản lý tài sản và Đầu tư. Bên cạnh những lĩnh vực hoạt động chính nêu trên, Sovico cũng đang hướng tới các lĩnh vực tiềm năng khác như: Du lịch, Dịch vụ, Bảo hiểm, Y tế, Giáo dục, Môi trường, Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số... Tập đoàn có mạng lưới thành viên bao phủ khắp Việt Nam với đội ngũ nhân viên trên 35.000 người, và hướng tới quy mô khoảng 80.000 người.

Tập đoàn Sovico liên tục phát triển và đóng góp tích cực cho sự lớn mạnh của khu vực kinh tế tư nhân. Sovico có mối quan hệ hợp tác uy tín và bền vững với nhiều đối tác lớn trong nước cũng như trên thế giới, nhất là, những đối tác trong lĩnh vực xây dựng, giao thông vận tải, công nghệ thông tin, y tế, giáo dục. Đại học Oxford, Đại học Harvard là những đối tác uy tín hàng đầu thế giới về giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo có quan hệ hợp tác chặt chẽ với Tập đoàn.

Nhằm mục tiêu đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế tri thức quốc gia và hội nhập toàn cầu, Sovico đang xây dựng Đề án phát triển mô hình đại học tiên tiến tầm cỡ quốc tế đặt tại khu đô thị Mailand Hà Nội. Dự án đô thị đại học này sẽ đóng góp thiết thực vào sự phát triển bền vững, xanh và bao trùm của khu đô thị Mailand Hà Nội, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Đồng thời, đô thị đại học này sẽ cung cấp nguồn nhân lực có kiến thức thực tiễn, phục vụ cho sự phát triển hệ sinh thái sáng tạo của Tập đoàn Sovico. Đại học này cũng được mong đợi trở thành một trung tâm nghiên cứu phát

triển, đổi mới sáng tạo và kết nối trí thức trong nước và quốc tế.

Ý tưởng dự án được bắt đầu dựa trên nền tảng của Trường Đại học Hòa Bình, được thành lập từ năm 2008 và có trụ sở tại phố Bùi Xuân Phái, khu đô thị Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Trường Đại học Hòa Bình hiện có 9 khoa, 23 chuyên ngành đại học và 5 chuyên ngành sau đại học. Trường có thể mạnh về đội ngũ nhân sự với trên 50% là các nhà giáo, cán bộ quản lý có bằng cấp chuyên môn cao, kinh nghiệm trong quản lý, giảng dạy và điều hành. Đặc biệt, đội ngũ trẻ của Trường có học hàm, học vị cao, được đào tạo bài bản từ các nước phát triển, có tiềm năng tạo những phát triển đột phá trong tương lai.

Theo chiến lược phát triển và chủ trương đầu tư phát triển Trường Đại học Hòa Bình của lãnh đạo Tập đoàn Sovico và của Hội đồng trường Trường Đại học Hòa Bình, việc đầu tư phát triển các cơ sở đào tạo để mở rộng quy mô đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ là hết sức cần thiết và cấp bách. Trường đã lập và trình cơ quan có thẩm quyền dự án đầu tư phát triển thành một đại học đẳng cấp quốc tế.

2. Bối cảnh quốc tế

Toàn cầu hóa trở thành động lực cho những chuyển đổi trong các lĩnh vực xã hội, kinh tế, chính trị và văn hóa của một xã hội. Các quá trình xảy ra trong bối cảnh toàn cầu hóa cũng đang tác động một cách khách quan đối với hệ thống giáo dục đại học. Tự do hóa thương mại thúc đẩy toàn cầu hóa giáo dục, có nghĩa là, giáo dục trở thành xuyên quốc gia; các trường đại học áp dụng các phương thức kinh doanh và cố gắng tăng thị phần của mình trên thị trường giáo dục đại học thế giới.

Sự trỗi dậy gần đây của một xã hội dựa trên tri thức; toàn cầu hóa xã hội, kinh tế và thông tin; nhu cầu giáo dục đại học tăng lên; và những thay đổi trong môi trường chính trị và xã hội của các nước

đang phát triển đều có mối liên hệ sâu sắc và đang có ảnh hưởng đáng kể đến giáo dục đại học. Chúng ta đã chứng kiến sự thay đổi từ tăng trưởng kinh tế dẫn đầu bởi ngành sản xuất hàng loạt dựa trên công nghệ đã được thiết lập sang tăng trưởng dựa trên tri thức, trong đó, đổi mới cứng và mềm “sáng tạo tri thức” có giá trị kinh tế cao hơn. Việc ứng dụng khoa học công nghệ và sản xuất, sử dụng “tri thức” về chất lượng thông tin và quản lý đã trở thành chìa khóa của tăng trưởng kinh tế.

Cuộc cách mạng thông tin đã cung cấp khả năng tiếp cận tri thức nhanh chóng và thúc đẩy việc tạo ra tri thức mới. Sự phát triển của công nghệ thông tin đã làm đa dạng hóa các hình thức giáo dục đại học, thông qua việc kết nối nâng cao chất lượng và mở rộng đến nhiều đối tượng học sinh hơn. Đồng thời, với toàn cầu hóa thông tin, toàn cầu hóa kinh tế cũng đang diễn ra với tốc độ nhanh chóng. Do chi phí di chuyển ngày càng giảm và sự gia tăng của xã hội thông tin, toàn cầu hóa thị trường lao động cũng đang tiến triển. Trong khi góp phần vào việc trao đổi nguồn nhân lực cần thiết cho sự phát triển của giáo dục đại học, nó cũng gắn liền đến tình trạng chảy máu chất xám ngày càng sâu rộng của những người lao động tri thức.

Để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về nguồn nhân lực, ở cấp độ toàn cầu, giáo dục đại học cũng thay đổi từ việc tập trung chọn lựa thành phần ưu tú sang giáo dục đại học đại trà. Ngoài ra, các xu hướng hướng tới sự đa dạng loại hình sinh viên, các cơ sở giáo dục và giáo dục suốt đời. Phong trào hướng tới giáo dục đại chúng này có thể được coi là một xu hướng trên toàn cầu. Tuy nhiên, quá trình này không đồng nhất. Có khoảng cách giữa hoàn cảnh ở các nước đang phát triển và phát triển, ở các khu vực thành thị và nông thôn của cùng một quốc gia, giữa người giàu và người nghèo, nam và nữ, và giữa các nhóm dân tộc khác nhau.

a) Vai trò thay đổi của giáo dục đại học

Trong một thời gian dài, giáo dục đại học đóng vai trò sản sinh ra các nhà lãnh đạo của khu vực công và tư nhân. Phát triển nguồn nhân lực trình độ cao với những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho sự phát triển kinh tế và xã hội là vai trò quan trọng nhất của giáo dục đại học. Thêm vào đó, trong xã hội tri thức hiện nay, nơi mà trình độ chung của cả xã hội đang là vấn đề thì giáo dục đại học không thể chỉ phát triển một số lượng nhất định các nhà lãnh đạo. Việc mở rộng giáo dục đại học trở nên quan trọng để có thể phát triển nhiều nguồn nhân lực và nâng cao trình độ tri thức của toàn xã hội.

Giáo dục đại học đóng vai trò trung tâm trong việc tạo ra và truyền tải tri thức trong xã hội. Đặc biệt, khả năng áp dụng kiến thức và kỹ năng, kỹ thuật có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế. Như vậy, giáo dục đại học không chỉ đơn thuần dạy công nghệ mới, mà còn phải phát triển nguồn nhân lực có khả năng đánh giá nhu cầu của các công nghệ này và áp dụng chúng.

Là tài sản trí tuệ chung, giáo dục đại học phải được kết nối với xã hội và tích cực đáp ứng yêu cầu của xã hội. Để đạt được điều đó, giáo dục đại học, trước hết, phải quan tâm đến sự phát triển và phổ biến công nghệ gắn liền với nhu cầu của xã hội. Ngoài ra, để đáp ứng nhu cầu đa dạng hóa, người ta phải đa dạng hóa nội dung giáo dục và cách thức cung cấp dịch vụ. Nhưng đồng thời, tốc độ đổi mới công nghệ đã tăng lên và thời gian hữu ích của kiến thức và công nghệ cụ thể đã rút ngắn lại. Vì vậy, cần phải có một hệ thống liên tục thu thập và lựa chọn giữa tri thức và công nghệ và đổi mới nó, đồng thời, phát triển hơn nữa các cơ hội cho giáo dục suốt đời.

Vai trò vun đắp sự gắn kết xã hội là yêu cầu quan trọng của giáo dục đại học. Điều này có thể được thực hiện thông qua việc tạo ra tài sản chung là tri thức mới, bao gồm việc truyền bá các giá trị phát triển và tôn trọng chủ nghĩa đa văn hóa,

thúc đẩy sự tham gia, gắn kết với cộng đồng và thúc đẩy dân chủ trong quản trị.

b) Các hình thức và nguồn lực mới của giáo dục đại học

Sự phát triển của công nghệ hiện đại đang dần thay đổi cấu trúc của giáo dục đại học. Các cuộc khảo sát cho thấy, cộng đồng đại học cụ thể là sinh viên, nhà giáo dục và quản lý đang mong đợi quá trình dạy-học được tiến hành trên môi trường ảo và từ xa. Mô hình đại học hiện tại vẫn tiếp tục đóng vai trò quan trọng, song, có những thay đổi về mặt hình thức. Trường đại học vẫn là một trung tâm tái tạo văn hóa, liên quan trực tiếp đến sự sáng tạo và không thể thay thế bằng máy tính. Nhưng toàn cầu hóa và kinh tế tri thức đã làm biến đổi các chức năng và nội dung của trường đại học. Thước đo cụ thể bây giờ là quá trình tạo ra các sản phẩm có giá trị văn hóa, xã hội hoặc kinh tế.

Một trong những hình thức mới như vậy là Đại học Mở, với sứ mệnh là cung cấp các chương trình đào tạo từ xa. Một số quốc gia đã mở các trường đại học như vậy: Đại học Mở ở Anh, Đại học Mở ở Hà Lan, Đại học Mở ở Israel, Đại học Mở Sukhothai Thammathirat ở Thái Lan. Tuy nhiên, đào tạo từ xa còn có các hình thức khác. Nhiều trường đại học ở Mỹ và Châu Âu thiết kế cái gọi là MOOCs (Massive Open Online Courses - Các khóa học trực tuyến mở rộng rãi); Viện Công nghệ Massachusetts, Đại học Stanford và Harvard liên tục phát triển các nền tảng LMS (Learning Management System - Hệ thống quản lý học tập) miễn phí cho e-Learning. Sáu trường đại học đã phát triển hệ thống tín chỉ chung được cấp tại các MOOC do các trường đại học này cung cấp. Đó là: Đại học Công nghệ Delft ở Hà Lan, Viện Công nghệ Liên bang Thụy Sĩ ở Lausanne (EPFL), Đại học Quốc gia Úc và Đại học Queensland, Đại học British Columbia ở Canada, Đại học Boston (Hoa Kỳ).

Hình thức mới tiếp theo là Mạng lưới

Đại học, đến từ khu vực phía Đông của thế giới và đại diện cho một nhóm các trường đại học riêng lẻ từ các quốc gia khác nhau. Họ cung cấp một chương trình học chung dựa trên khái niệm về một mô hình văn hóa giáo dục. Đặc biệt, đó là Đại học Mạng SCO (Shanghai Cooperation Organization - Tổ chức Hợp tác Thượng Hải) và Đại học Mạng BRICS (Brazil, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc và Nam Phi), gọi nhớ đến mô hình đại học có đa nhánh.

Đại học đa chức năng cũng là một trong những hình thức tổ chức giáo dục đại học và đời sống đại học nói chung. Mô hình trường đại học như vậy phát triển thành nhiều cơ sở, mỗi cơ sở có thể trở thành một đơn vị giáo dục riêng biệt. Đại học đa chức năng là mô hình giáo dục đại học đa trung tâm và đa ngành, cung cấp các cấp độ và điều kiện giáo dục khác nhau, ví dụ: ưu tú, đại chúng, không chuyên nghiệp và chuyên nghiệp...

Trung tâm Đào tạo Đại học - Education Hub (hoặc Gói Giáo dục Đại học) là một hình thức giáo dục đại học khác. Đây là một dạng Làng tri thức hay Thành phố Giáo dục, nơi tập hợp nhiều chương trình học của các trường đại học khác nhau trên thế giới. Qatar, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, Singapore, Malaysia, Hồng Kông và Botswana là những nước đi đầu phát triển mô hình đại học này.

Bên cạnh đó, Tài liệu Giáo dục hoặc tài nguyên trực tuyến có trên không gian trong mạng và được truy cập mở, chẳng hạn như Coursera, Academic Earth, edX, Iversity và những nguồn tài nguyên khác, được một số chuyên gia coi là hình thức tổ chức cạnh tranh hoặc thay thế của giáo dục đại học. Hầu hết, các hình thức này được phát triển qua truy cập mở, với việc cung cấp chứng chỉ hợp lệ sau khi hoàn thành khóa học... Tuy nhiên, cần lưu ý rằng các trường đại học hiện tích cực sử dụng và hợp tác với các nguồn này. Ví dụ, nền tảng học tập edX được thành lập bởi Harvard và Viện Công nghệ Massachusetts.

Vì vậy, không thể nói giáo dục đại học sẽ bị thay thế hoàn toàn bởi các khóa học trực tuyến, mà thay vào đó, là sự mở rộng toàn cầu trong việc phát triển các khóa học trực tuyến kết nối với các trường đại học.

Trường đại học kiểu cũ sẽ tồn tại và phát triển, ít nhất là trong những thập kỷ gần nhất. Tuy nhiên, hình thức của nó chắc chắn sẽ thay đổi. Các quá trình toàn cầu hóa, quá trình phát triển và chuyển đổi sang nền kinh tế tri thức đã và đang thúc đẩy những chuyển đổi quan trọng. Mô hình đại học cổ điển sẽ được dần thay thế bằng các hình thức tổ chức mới của giáo dục đại học: đại học mở, đại học mạng, đa chức năng, trung tâm giáo dục. Trường Đại học Đổi mới, như một giai đoạn phát triển mới, cung cấp nhiều lựa chọn khác nhau. “Làn sóng thứ ba”, sự chuyển đổi sang nền kinh tế tri thức, sự phát triển của công nghệ thông tin - tất cả những điều này đòi hỏi phải tái cấu trúc giáo dục đại học.

Các quy trình, MOOC và các nguồn tài liệu E-learning khác sẽ được tiếp tục phát triển cùng với cái gọi là “*giải trí*”: sử dụng rộng rãi cách kể chuyện có chủ đề, các gói điện toán đám mây, bài giảng hoạt hình, giáo trình mô phỏng 3D, công nghệ thông tin, trò chơi máy tính... Việc hướng dẫn sẽ được thực hành trong “*các nhóm hỗn hợp*”, các hình thức, phương pháp và nguyên tắc giảng dạy cổ điển sẽ bị loại bỏ. Các nguồn lực giáo dục này ngày càng hướng tới việc ứng dụng với các giá trị nhân văn phổ quát, không chỉ mang ý nghĩa truyền thống của một quốc gia - nhà nước. Việc dạy và học sẽ không chỉ dựa trên việc ghi nhớ, tái tạo thông tin và kiến thức học thuật. Phương pháp sư phạm mới sẽ phục hồi vị trí của nó, không chỉ mang tính công nghệ cao và hướng đến các mục tiêu của thời đại công nghiệp. Sách giáo khoa sẽ được thay thế bằng phương tiện nội dung giáo dục và hướng dẫn theo chủ đề.

3. Xây dựng đại học đẳng cấp quốc tế

Trong thập kỷ qua, thuật ngữ “*đại học đẳng cấp quốc tế*” đã trở thành một cụm từ cửa miệng, không chỉ đơn giản là để nâng cao chất lượng học tập và nghiên cứu mà còn để phát triển năng lực để cạnh tranh trên thị trường giáo dục đại học toàn cầu thông qua tiếp thu, thích ứng và tạo ra kiến thức tiên tiến. Trong nỗ lực đưa ra một định nghĩa dễ quản lý về các trường đại học đẳng cấp quốc tế, báo cáo của Ngân hàng Thế giới đề xuất ba khía cạnh được phản ánh ở các trường đại học hàng đầu: (a) sự tập trung cao độ của nhân tài (giảng viên và sinh viên); (b) nguồn lực dồi dào để cung cấp một môi trường học tập phong phú và thực hiện nghiên cứu nâng cao; và (c) các tính năng quản trị thuận lợi khuyến khích tầm nhìn chiến lược, sự đổi mới và tính linh hoạt và cho phép các thể chế ra quyết định và quản lý các nguồn lực mà không bị cản trở bởi bộ máy quan liêu.

Việc thành lập một trường đại học đẳng cấp quốc tế đòi hỏi trên hết là phải có khả năng lãnh đạo, tầm nhìn táo bạo về sứ mệnh và mục tiêu của tổ chức, và kế hoạch chiến lược rõ ràng để chuyển tầm nhìn thành các mục tiêu cụ thể và các chương trình. Các trường đại học mong muốn đạt được kết quả tốt nên tham gia vào một chương trình mục tiêu đánh giá điểm mạnh của họ và các lĩnh vực cần cải tiến, đặt ra các mục tiêu mới, thiết kế và thực hiện một kế hoạch đổi mới có thể dẫn đến cải thiện hiệu suất.

4. Đô thị đại học

Đô thị đại học (trong một số trường hợp, có thể được gọi là trường đại học do đô thị hỗ trợ hoặc trường đại học thành phố lớn) là một thuật ngữ của Hoa Kỳ để chỉ một cơ sở giáo dục đại học có liên quan đến xã hội và đóng vai trò như một nguồn lực để giáo dục công dân và cải thiện sức khỏe của một thành phố hoặc khu vực mà nó nằm ở đó. Nghĩa là, trường đô thị đại học phải “*thuộc*” thành phố cũng như

“*trong*” thành phố. Theo Ủy ban Chương trình Đô thị Hoa Kỳ, định nghĩa trường đô thị đại học là “*có một khuôn viên nằm trong một khu vực đô thị lớn với một số lượng đáng kể sinh viên trong khu vực thường xuyên di chuyển đến trường. Đó là nơi cung cấp các chương trình đại học, chuyên nghiệp và sau đại học, và đảm bảo sự tiếp cận của mọi sinh viên sống trong cộng đồng đô thị. Thông qua các chiến lược giáo dục, nghiên cứu và dịch vụ theo định hướng đô thị, trường đô thị đại học thể hiện tinh thần trách nhiệm sâu sắc và nỗ lực hỗ trợ khu vực đô thị đối phó với các vấn đề của mình*”.

Như vậy, có thể nhận thấy, đô thị đại học phát triển mối quan hệ đối tác và hợp tác quan trọng với cộng đồng khu vực đô thị của mình. Một loạt các dự án hàng đầu gần đây, bao gồm Khoa học Ứng dụng NYC, Mạng lưới MetroLab, Giải pháp Đô thị Amsterdam, và Đại học Paris - Saclay (trong số những dự án khác), đã định vị vai trò quan trọng của đô thị đại học.

5. Một số mô hình phát triển các khu đô thị đại học trên thế giới

a) *Mô hình của các nước phát triển như Anh Quốc, Hoa Kỳ, Australia*

Ở các nước này, các đô thị đại học được hình thành và phát triển tự nhiên, xuất phát điểm là các trường đại học tự thực. Với sự lớn mạnh của các trường đại học, khu vực dân cư xung quanh dần được mở rộng, trở thành đô thị đại học với sự gia nhập của các trường đại học vệ tinh và sự hình thành, phát triển của các thành tố đô thị khác như: bệnh viện, trường phổ thông, nhà ở, trung tâm kinh doanh, trung tâm nghiên cứu, vui chơi giải trí,... (Cambridge, Bang Massachusetts, Hoa Kỳ, Khu đô thị Hebrew University of Jerusalem của Isarael, hay khu đô thị trường Đại học University of Queensland, Úc). Ở các nước này, sự can thiệp của nhà nước không lớn đối với sự phát triển của đô thị đại học mà phụ thuộc vào sự lớn mạnh của một hoặc một số đại học uy tín.

b) *Mô hình của một số nước phát triển châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore*

Là các nước đi sau so với các nước phương Tây trong phát triển giáo dục đại học, chính phủ các nước châu Á này có chiến lược phát triển một số đô thị đại học thông qua việc đầu tư xây dựng một trường đại học lớn, từ đó, phát triển hệ sinh thái xoay quanh giáo dục đại học trong khu đô thị. Trường đại học được coi là trung tâm của khu đô thị, thu hút sinh viên, giới trí thức, giới kinh doanh đến sinh sống, làm việc và phát triển các tổ chức kinh tế, từ đó, làm gia tăng các nhu cầu về nhà ở, giáo dục phổ thông, dịch vụ y tế, vui chơi giải trí, kinh doanh - khởi nghiệp. Các thành tố của đô thị có sự hòa quyện, gắn kết hữu cơ trong nhiều thập kỷ, tạo ra các đô thị trí thức, phát triển bền vững, đóng góp lớn vào sự phát triển của thành phố và vùng kinh tế trong khu vực. (Ví dụ: đô thị Tsukuba của Nhật Bản, NUS của Singapore, hay Hongik, Incheon Global Campus của Hàn Quốc).

c) *Mô hình đô thị đại học của Trung Quốc*

Từ đầu những năm 2000, Trung Quốc đã có chiến lược và khởi động việc hình thành và phát triển các khu đô thị đại học tại các đô thị lớn. Việc xây dựng các đô thị đại học có sự tham gia hỗ trợ của chính quyền trung ương, cùng với chính quyền tỉnh, Bộ Giáo dục và các tập đoàn kinh tế tư nhân. Trong số khoảng 50 đô thị được hình thành, đến thời điểm hiện tại, có một số khu đô thị đại học của Trung Quốc được xem là các mô hình thành công và hiệu quả như: Songjiang Uni Town in Shanghai, Guangzhou Higher Education Mega Center, Shuzhou Dushu Lake Higher Education Town.

Đặc trưng của các đô thị nêu trên của Trung Quốc là:

- Được xây dựng rất hiện đại và có điểm nhấn về thiết kế kiến trúc.
- Trở thành một tổ hợp (hub) của các trường đại học lớn, uy tín của Trung Quốc và thế giới (có khu chỉ bao gồm các

trường đại học hay phân hiệu của Trung Quốc, có khu thu hút cả các phân hiệu của các trường đại học quốc tế).

- Có sự gắn kết chặt chẽ giữa giáo dục đại học với nghiên cứu khoa học, các phòng thí nghiệm trọng điểm và môi trường kinh doanh - khởi nghiệp.

- Bao gồm đầy đủ các dịch vụ phụ trợ như giáo dục phổ thông, nhà ở, bệnh viện hoặc được kết nối với các đô thị trung tâm.

- Đóng góp trực tiếp cho phát triển kinh tế - xã hội của thành phố hay tỉnh sở tại.

6. Bối cảnh trong nước

Với công cuộc đổi mới từ năm 1986, Việt Nam đã đạt được những thành tựu kinh tế xã hội to lớn, chuyển đổi từ một quốc gia nghèo thành một nước thu nhập trung bình thấp. Tổng sản phẩm quốc nội GDP tăng 3,6 lần trong giai đoạn 2002-2020, đạt gần 3.700 USD. Ti lệ nghèo (theo chuẩn 1,9 USD/ngày) giảm mạnh từ hơn 32% năm 2011 xuống còn dưới 2%. Hướng tới tầm nhìn 2045, Việt Nam đặt ra mục tiêu trở thành một quốc gia phát triển, có thu nhập cao, có nền công nghiệp hiện đại, tăng trưởng xanh và cam kết đạt mức phát thải ròng bằng không đến năm 2050.

Để đạt được những mục tiêu đề ra, cần không ngừng nâng cao năng suất lao động, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt áp dụng những sáng kiến, ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại. Giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo qua: (a) đào tạo lực lượng lao động có trình độ và khả năng thích ứng; (b) phát triển kiến thức mới thông qua nghiên cứu cơ bản và ứng dụng; và (c) thúc đẩy đổi mới sáng tạo thông qua ứng dụng kiến thức và công nghệ.

Tuy vậy, trình độ và thành tựu giáo dục đại học của Việt Nam hiện đang chưa thực sự tương xứng với những kết quả nổi bật về tăng trưởng kinh tế công bằng và

phát triển con người. Báo cáo *Nâng cao hiệu quả giáo dục đại học tại Việt Nam* cho biết, mặc dù đất nước hiện đang xếp 48 trên 157 quốc gia về chỉ số vốn nhân lực của Ngân hàng Thế giới (HCI), cao nhất trong số các quốc gia có thu nhập trung bình, nhưng hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam chưa sẵn sàng để khai thác tiềm năng to lớn từ nền tảng giáo dục phổ thông. Đặc biệt, có một khoảng cách đáng kể về mặt kỹ năng của sinh viên tốt nghiệp đại học so với yêu cầu, đòi hỏi của thị trường lao động. Nhiều doanh nghiệp ở Việt Nam cho biết họ gặp phải khó khăn khi tuyển dụng nhân viên có kỹ năng lãnh đạo và quản lý, kỹ năng cảm xúc xã hội và các kỹ năng chuyên môn, kỹ thuật liên quan đến công việc. Báo cáo cũng chỉ rõ những nguyên nhân chính dẫn đến chất lượng đào tạo thấp bao gồm: chương trình giảng dạy và phương pháp sư phạm truyền thống, hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT) kém phát triển, và những bất cập trong quản trị nhân tài tại các cơ sở giáo dục đại học (CSGDĐH). Cụ thể là:

- Việc biên soạn giáo trình tập trung vào truyền tải kiến thức lý thuyết thay vì phát triển kỹ năng, năng lực.

- Giáo dục đại học đặt trọng tâm vào giảng viên và bài giảng hơn là chú trọng vào sinh viên.

- Thiếu liên kết phù hợp với các nhà tuyển dụng trong quá trình thiết kế, điều chỉnh chương trình đào tạo.

- Kết quả thu hút sinh viên và giảng viên nước ngoài vẫn thấp so với các nước trong khu vực.

- Thiếu cơ chế khuyến khích, động viên hợp lý đối với đổi mới, sáng tạo trong phương pháp, kỹ năng sư phạm.

- Các trường đại học vẫn còn đối mặt với hạn chế về đảm bảo chất lượng (QA), nguồn lực và cơ chế tài chính, và các nguồn lực khác.

- Thiếu nền tảng hạ tầng và CNTT vững chắc để khai thác lợi thế từ công nghệ số, công nghệ đột phá nhằm nâng

cao chất lượng giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

“Những thách thức chủ yếu dẫn đến năng suất và chất lượng nghiên cứu và chuyển giao công nghệ thấp bao gồm nguồn tài chính hạn hẹp và chưa hiệu quả, thiếu nguồn nhân lực tài năng, thiếu kết nối với mạng lưới nghiên cứu toàn cầu, liên kết lỏng lẻo giữa CSGDĐH và doanh nghiệp cũng như hạ tầng nghiên cứu/CNTT hạn chế. Ngoài ra, còn là những khó khăn trong việc thu hút và giữ chân các nhà nghiên cứu khoa học tài năng - đội ngũ có đủ năng lực và khả năng tạo ra sản phẩm nghiên cứu chất lượng cao”.

Đổi mới trong phương thức dạy và học, tăng cường liên kết giữa các trường đại học và doanh nghiệp, quản lý nhân tài, đẩy mạnh đầu tư cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng CNTT và quy trình đảm bảo chất lượng toàn diện sẽ là chìa khóa để nâng cao chất lượng và tính thực tiễn cho hệ thống giáo dục đại học. Việt Nam cần hỗ trợ nhiều hơn nữa công tác đổi mới chương trình và phương pháp sư phạm thông qua: (i) đưa ra cơ chế khuyến khích phù hợp; (ii) nâng cao chất lượng hệ thống ĐBCL ở cấp quốc gia và cấp cơ sở; (iii) thúc đẩy quốc tế hóa chương trình giảng dạy và tạo điều kiện cho các chương trình trao đổi trong nước cũng như quốc tế; (iv) hỗ trợ các CSGDĐH trong quá trình nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên và tăng cường; (v) thắt chặt mối liên kết giữa các CSGDĐH cũng như với khối doanh nghiệp. Việt Nam cũng cần đầu tư tạo dựng nền tảng hạ tầng và CNTT vững chắc để khai thác công nghệ số mang tính đột phá nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập và tạo điều kiện cho quá trình ra quyết định dựa trên dữ liệu.

Chiến lược nghiên cứu và chuyển giao công nghệ ở bậc đại học nên bao gồm các chính sách và chương trình nhằm tăng cường tài chính cho nghiên cứu, thu hút tài năng, đầu tư cơ sở vật chất, liên kết với doanh nghiệp và hợp tác với các tổ chức

nghiên cứu và phát triển (R&D) hàng đầu trên toàn cầu. Các ưu tiên về mặt tài chính không chỉ bao gồm việc tăng cường nguồn lực tài chính cho hoạt động nghiên cứu của trường đại học, mà còn đưa ra những mô hình tài chính cho nghiên cứu có tính đột phá, sáng tạo với trọng tâm là các dự án hợp tác nghiên cứu giữa trường đại học và doanh nghiệp. Công tác quản lý nhân tài trong lĩnh vực nghiên cứu đòi hỏi phải triển khai, thực hiện các chính sách tài chính và phi tài chính nhằm thu hút và giữ chân các nhà nghiên cứu trẻ có tiềm năng nghiên cứu cũng như các nhà nghiên cứu hàng đầu. Đồng thời, Việt Nam cần nhanh chóng xây dựng một chiến lược CNTT toàn diện, bao gồm đầu tư vào cơ sở vật chất nghiên cứu như máy tính hiệu năng cao (HPC), dữ liệu lớn, Internet tốc độ cao và kết nối với các mạng lưới nghiên cứu quốc tế. Để đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, điều quan trọng là cần thành lập các trung tâm chuyển giao công nghệ, vườn ươm khởi nghiệp, có chức năng môi giới, cho thuê, ký kết hợp đồng dịch vụ công nghệ và thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu và đổi mới sáng tạo.

7. Đề xuất mô hình đô thị đại học cho dự án của Tập đoàn Sovico

Trong bối cảnh các khu đô thị được phát triển một cách nở rộ tại hầu hết các đô thị lớn tại Việt Nam, việc tạo ra điểm nhấn - sự khác biệt - về mô hình phát triển đô thị, một mặt, sẽ tạo ra sức hút đối với cư dân, nhà đầu tư; mặt khác, giúp chủ đầu tư thuyết phục tốt hơn các cơ quan chức năng thông qua và phê duyệt chủ trương phát triển dự án khu đô thị mới. Việc tạo ra các điểm nhấn kiến trúc của các dự án (ví dụ như việc xây dựng các hồ nước nhân tạo lớn như khu Ocean Park ở Gia Lâm, hay các đô thị dựa trên ưu đãi thiên nhiên như Vườn Vua, Flamingo) đã dần trở nên bão hòa về ý tưởng và nhu cầu của cư dân. Do đó, chủ đầu tư các dự án đô thị cần có một cách tiếp cận mới, theo nguyên tắc bền vững để tạo nét đặc sắc và

tính tiên phong cho các khu đô thị mới.

Trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn phát triển đô thị của các nước phát triển như Anh, Mỹ, Australia, Israel, Nhật Bản hay các nước mới nổi trong khu vực châu Á như Singapore, Malaysia, Trung Quốc, có thể thấy được mô hình gắn kết việc phát triển các trường đại học tiên tiến với phát triển các khu đô thị là một mô hình hiệu quả, tạo ra được hệ sinh thái với chuỗi giá trị gia tăng (giáo dục đại học, nghiên cứu chuyển giao công nghệ, khởi nghiệp, giáo dục phổ thông, y tế, nhà ở, vui chơi giải trí,...), từ đó, tạo ra sức hút đối với cư dân, đặc biệt là giới trí thức, sinh viên, giới kinh doanh công nghệ cao. Sự khác biệt lớn nhất giữa các đô thị đại học với các đô thị thông thường là sự kết nối nguồn lực con người, trí thức và dịch vụ giữa trường đại học và khu đô thị, từ đó, tạo ra được sức sống tươi trẻ của cộng đồng dân cư và gia tăng cơ hội đối với hoạt động nghiên cứu chuyển giao công nghệ, khởi nghiệp, kinh doanh công nghệ cao.

Tại Việt Nam, ý tưởng xây dựng đô thị đại học đã được hình thành và triển khai trong thực tiễn từ những năm 2000. Theo xu thế này, nhiều tỉnh thành đã triển khai quy hoạch xây dựng các khu đô thị đại học, có thể kể ra như sau: Đô thị Đại học Phố Hiến (Hưng Yên), Khu đô thị Đại học Nam Cao (Hà Nam), Khu đô thị Đại học Vĩnh Phúc, Khu đô thị Đại học Tây Nam Hà Nội, Khu đô thị Đại học Bắc Ninh, Đô thị Hòa Lạc, Đô thị Đại học Đà Nẵng, Đô thị khoa học và giáo dục tỉnh Bình Định, Đô thị Đại học TP. Hồ Chí Minh và Đô thị đại học Hòa Lạc cho Đại học Quốc gia Hà Nội.

Mặc dù có khá nhiều đô thị đại học được quy hoạch, các khu đô thị đại học công lập hiện đang gặp nhiều thách thức và khó khăn. Đến thời điểm hiện tại, chỉ có 3 khu đô thị đại học được triển khai xây dựng là Làng đại học Thủ Đức, Đô thị đại học Hòa Lạc và Đô thị đại học Phố Hiến. Trong 3 khu đô thị này, Làng

Đại học Thủ Đức là khu đô thị được triển khai mạnh mẽ và quy mô nhất, trong khi đó, Đô thị đại học Hòa Lạc và Phố Hiến triển khai chậm, nhất là, khu đô thị Phố Hiến hiện chỉ thu hút được phân hiệu của Trường Đại học Thủy lợi và Trường Đại học Chu Văn An. Quá trình triển khai các đô thị đại học Việt Nam trong thời gian gần đây cho thấy một số thách thức, rào cản như sau:

- Mục tiêu của các khu đô thị đại học chủ yếu là để di dời các trường đại học ra khỏi khu vực nội thành một cách cơ học, không chú trọng đến việc kết nối với các dịch vụ, tiện ích liên quan để hình thành một đô thị đáng sống.

- Các đô thị đại học phụ thuộc hầu hết vào ngân sách Nhà nước, trong khi nhu cầu về vốn đầu tư rất cao, do đó, thường xuyên bị chậm tiến độ và bỏ lỡ thời điểm phát triển.

- Các khu đại học được quy hoạch với diện tích rộng, lên đến 1000 ha và gặp nhiều khó khăn trong việc di dời, giải toả dân cư trong khu vực quy hoạch; việc giải quyết đòi hỏi nguồn kinh phí lớn và ảnh hưởng đến cảnh quan, quy hoạch của đô thị.

- Các khu đô thị đại học thiếu vắng sự tham gia của khu vực tư nhân, thiếu cơ chế quản trị linh hoạt, hiệu quả và động lực thị trường.

- Thiếu một mô hình phát triển đô thị đại học phù hợp với xu thế quốc tế và đặc điểm kinh tế - xã hội của Việt Nam.

Trong khoảng 5 năm gần đây, một số tập đoàn bất động sản, tập đoàn kinh tế, tổ chức giáo dục tư nhân đã có ý định và chiến lược phát triển các đô thị đại học (ví dụ như: Sovico, TH, Nguyễn Hoàng, Vingroup). Các tập đoàn đều mong muốn xây dựng được các trường đại học của riêng mình; đồng thời, gắn nó với một khu đô thị để có thể gia tăng giá trị thương hiệu và bất động sản của khu đô thị do mình làm chủ đầu tư. Tuy vậy, đến thời điểm hiện tại, chưa có một tập đoàn, tổ chức kinh tế - giáo dục nào xây dựng được

một đô thị đại học thành công và đúng với bản chất của nó.

Để có thể xây dựng thành công các đô thị đại học như ở các nước phát triển đi trước trên thế giới và khu vực Châu Á, đòi hỏi các điều kiện tiên quyết như sau:

- Quyết tâm và tâm huyết của lãnh đạo Tập đoàn trong việc phát triển một đô thị đại học với hàm lượng tri thức cao và tạo nên chuỗi giá trị bền vững.

- Có một mô hình phát triển khu đô thị đại học phù hợp, trên cơ sở nghiên cứu cả thành công và thất bại của các đô thị đại học của Việt Nam và thế giới, đặc biệt là mô hình phát triển của các đô thị đại học tại Trung Quốc do có bối cảnh và đặc điểm khá tương đồng với Việt Nam.

- Bố trí đủ nguồn lực để xây dựng và khai thác khu đô thị bền vững.

- Khoảng cách từ khu đô thị đại học đến trung tâm của các thành phố lớn (Hà Nội, TP. HCM) không nên vượt quá 1 giờ di chuyển bằng phương tiện công cộng hoặc quá 35 km.

- Xây dựng thành công cơ sở giáo dục đào tạo trung tâm, làm cơ sở cho việc phát triển các thành tố vệ tinh, bổ trợ trong khu đô thị.

a) Mô hình của một khu đô thị đại học ở Việt Nam cần bao gồm 2 trụ cột:

Trụ cột thứ nhất là xác định đúng mô hình giáo dục đại học, có thể là một trường đại học hiện đại, có quy mô phù hợp, các ngành đào tạo sát với nhu cầu và mô hình quản trị hiệu quả; hoặc là một tổ hợp phân viện của nhiều trường đại học trong và ngoài nước và có sự liên thông, công nhận lẫn nhau để tập hợp thành một đại học đa ngành mà không đòi hỏi sự đầu tư lớn để xây dựng các cơ sở GDĐT hoàn chỉnh và rút ngắn thời gian xây dựng.

Trụ cột thứ hai là hệ sinh thái của khu đô thị đại học: khu đô thị phải có khả năng kết nối các dịch vụ, sản phẩm để tạo ra chuỗi giá trị và hệ sinh thái hữu cơ của đô thị.

Việc xây dựng trụ sở mới của Trường

Đại học Hòa Bình tại khu đô thị Mailand Hà Nội là khả thi. Tuy nhiên, để xây dựng và phát triển cơ sở giáo dục đại học này thành một đô thị đại học có đẳng cấp quốc tế, có mối quan hệ hữu cơ hỗ trợ và hợp tác vì sự phát triển bền vững của cộng đồng Mailand Hà Nội, cần một cách tiếp cận mới có tính chiến lược trong chuyển đổi mô hình và phương thức đào tạo.

b) Đề án chiến lược (tiền khả thi) xây dựng đô thị Đại học Hòa Bình

Trước hết, cần xây dựng một đề án chiến lược (tiền khả thi) xác định rõ mô hình - hình thức đô thị đại học Mailand trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Hình thức Làng Trí thức hay Thành phố Giáo dục thu hút nhiều chương trình học của các trường đại học tiên tiến quốc tế được khuyến nghị nhằm khai thác lợi thế hợp tác và kết nối của Tập đoàn Sovico với những trường đại học hàng đầu thế giới. Thông qua hợp tác giáo dục, phương pháp giảng dạy, nguồn lực con người và chất lượng giáo dục, nghiên cứu và ứng dụng của cơ sở giáo dục mới được từng bước nâng cao, làm tiền đề cho những cải cách phát triển mới. Một số hình thức đại học khác như Đại học Mở (dạy và học qua mạng và từ xa), Đại học Đa chức năng cũng nên được tham khảo.

Để đảm bảo từng bước phát triển chất lượng và đẳng cấp quốc tế, đề án cần xác định kế hoạch cụ thể để thu hút nhân tài (giảng viên và sinh viên), xây dựng mô hình quản trị, cũng như chuẩn bị nguồn lực cần thiết cho việc triển khai từng bước mô hình đại học quốc tế tiên tiến. Do đây là một mô hình đại học đa ngành, cần xác định những chuyên ngành chiến lược làm nòng cốt cho sự phát triển tương lai. Các chuyên ngành chiến lược phải phù hợp với: a) nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ các lĩnh vực phát triển ưu tiên quốc gia; b) các lĩnh vực (hiện tại và tương lai) nằm trong khuôn khổ phát triển hệ sinh thái của Tập đoàn Sovico; và c) hỗ trợ sự phát triển bền vững của khu đô thị Mailand.

Các chuyên ngành khuyến nghị bao gồm: Công nghệ và Kỹ thuật (kỹ thuật xây dựng, quy hoạch đô thị, năng lượng, môi trường, hạ tầng...), Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số, Quản trị và Kinh doanh, Quan hệ công chúng và Truyền thông, Nghệ thuật sáng tạo và Nhân văn...

Trên cơ sở của mô hình đào tạo, xác định rõ các chức năng và nhu cầu mục tiêu của khu đô thị đại học (phục vụ nhu cầu của nhà giáo dục, nhà nghiên cứu, sinh viên, các tổ chức hợp tác - nghiên cứu khoa học và công nghệ cũng như người quản lý, kinh doanh phục vụ giáo dục và cộng đồng dân cư trí thức trong khu đô thị đại học). Tiềm ích và dịch vụ của mô hình đô thị đại học phải phục vụ cho nhu cầu giảng dạy-học tập-nghiên cứu-ứng dụng, sản xuất thí nghiệm, kinh doanh, vui chơi giải trí và sinh sống của người dân trí thức sống và làm việc trong khu đô thị đại học.

Đề án cũng phải làm rõ sự kết nối hữu cơ giữa mô hình đại học mới với mục tiêu phát triển của khu đô thị Mailand Hà Nội. Cụ thể là, tạo nền tảng trí thức phục vụ mục tiêu phát triển Mailand Hà Nội trở thành: i) Thành phố Văn hóa Xanh, Sáng tạo, và Thịnh vượng; ii) Trung tâm giao lưu thương mại, khoa học, giáo dục văn hóa có sự kết nối quốc tế; iii) Phát triển tính chuyên môn và sáng tạo cho các tầng lớp dân cư trí thức; iv) Phòng thí nghiệm sống những sáng tạo trong thương mại, giáo dục, văn hóa và công nghệ thân thiện sinh thái; và v) Thành phố công viên, vui chơi giải trí và du lịch gia đình. Đô thị đại học này phải có sự hợp tác và kết nối

chặt chẽ với cộng đồng, phục vụ sự phát triển bền vững của cộng đồng. Ngược lại, hệ thống hạ tầng, dịch vụ và tiện ích cũng như nguồn lực và tài sản cộng đồng cũng đáp ứng và phục vụ cho sự phát triển từng bước của đại học.

Đề án cũng phải làm rõ phân kỳ phát triển của khu đô thị đại học với sự phát triển cốt lõi (có quy mô phù hợp) ban đầu của mô hình đô thị Mailand. Đặc biệt, phải phân tích và thiết kế quy trình hợp tác và liên kết với bên liên quan, cụ thể là các doanh nghiệp, viện nghiên cứu, tổ chức phát triển trong và ngoài nước, cộng đồng đặc biệt với khu vực kinh tế tư nhân, trong việc xây dựng và vận hành mô hình giáo dục này. Từ đó, nghiên cứu và mở rộng các kết quả đạt được để xây dựng các cơ sở giáo dục đào tạo liên quan.

Trên cơ sở của đề án tiền khả thi (phục vụ mục tiêu xin chủ trương quy hoạch và xây dựng quy hoạch tổng thể các phân khu), có thể tổ chức thi phương án kiến trúc và xây dựng đề án khả thi làm cơ sở cho việc thiết kế xây dựng, quy hoạch chi tiết và tổ chức xây dựng từng hợp phần theo tiến độ phân kỳ. Để triển khai các bước trên, chủ đầu tư cần có một đơn vị tư vấn chiến lược có năng lực để triển khai xây dựng được một đề án tiền khả thi, đúng tâm và phù hợp với xu thế phát triển của Việt Nam và thế giới thông qua các nghiên cứu, khảo sát nhu cầu và xác định mô hình phát triển của khu đô thị đại học.

Tài liệu tham khảo

Báo cáo *Những quan điểm chủ đạo phát triển Mô hình Đô thị Mailand*